

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 190/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

“V/v xin ly hôn”

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Văn Sua

2. Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 747/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Biện Hoàng E, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 1, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Dương Thị Ánh L (H), sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, phường 7, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Biện Hoàng E trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Ánh L chung sống với nhau năm 2016, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, đến năm 2018 anh, chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không thể nào hàn gắn lý do chị L có người đàn ông khác. Anh và chị L đã ly thân 03 tháng nay. Hiện anh xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Biện Anh K, sinh ngày 08/01/2016, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh khai anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai anh và chị L không có nợ chung.

- Chị Dương Thị Ánh L trình bày tại bản tự khai như sau:

Chị L xác định về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi kết hôn đúng như anh E trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chị không có người đàn ông khác như anh E trình bày. Nay anh E yêu cầu xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh E có 01 con chung là Biện Anh K, sinh ngày 08/01/2016. Hiện đang sống chung với anh E. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh E có các tài sản chung như sau: 03 gian hàng bán quần áo may sẵn tại chợ đêm phường 7, thành phố M tổng trị giá 800.000.000 đồng. Chị yêu cầu giải quyết chia đôi số tài sản trên chị nhận 400.000.000 đồng, giao 03 gian hàng cho anh E quản lý sử dụng; 01 tivi hiệu Samsung 42inch trị giá 16.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi, giao cho anh E tivi, anh E giao lại cho chị 8.000.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 7 plus trị giá 36.000.000 đồng, điện thoại trên anh E đang quản lý. Chị yêu cầu chia đôi, giao điện thoại cho anh E quản lý sử dụng, anh E giao cho chị 18.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 69D1-16661 do Biện Thị T đứng tên (là chị ruột anh E) đứng tên dùm. Xe trị giá 40.000.000 đồng, xe anh E đang quản lý. Chị yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe trên, giao xe cho anh E, anh E giao lại cho chị 20.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu 69 C1-16661 do Biện Hoàng A (anh ruột anh E đứng tên). Xe trên hiện anh E đang quản lý, trị giá 16.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe trên, giao anh E chiếc xe trên, anh E giao lại cho chị 8.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Chị khai chị và anh E không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa anh Biện Hoàng E và chị Dương Thị Ánh L được xác định là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị Ánh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử nhiều lần nhưng chị Loan khước từ không nhận giấy triệu tập, không trình bày lý do. Tại phiên tòa chị L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Biện Hoàng E và chị Dương Thị Ánh L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của anh E tại phiên tòa nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, nên anh và chị L đã ly thân 03 tháng nay, hiện không còn tình cảm với chị L nên anh E yêu cầu xin ly hôn với chị L. Chị L cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên hiện anh E yêu cầu ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống anh E và chị L đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh, chị đã ly thân 03 tháng nay, mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh E được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh E và chị L có 01 con chung tên Biện Anh K, sinh ngày 08/01/2016. Hiện cháu đang sống chung với anh E. Nay khi ly hôn anh E và chị L đều có yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh E và chị L ly thân cho đến nay cháu K sống cùng anh E, hiện chị L ở nhà trọ, công việc không ổn định, và chị L vắng mặt tại phiên xét xử. Do đó, để tạo sự ổn định về mặt tâm lý và các điều kiện tốt nhất cho cháu K sinh sống, học tập thì cần tiếp tục giao cháu K cho anh E tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, nên yêu cầu nuôi con của anh E được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con do anh E không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xét.

Chị Loan vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh E, xác định anh và chị L tự thỏa thuận. Trong khi chị L khai có các tài sản chung như 03 gian hàng bán quần áo may sẵn tại chợ đêm phường 7, thành phố M; 01 tivi; 01 điện thoại di động; 02 xe mô tô chị L có yêu cầu chia đôi số tài sản trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có ấn định cho chị L nộp đơn yêu cầu chia các tài sản trên và dự nộp tạm ứng án phí theo quy định, nhưng chị L không nộp đơn, không dự nộp án phí cũng không đến phiên tòa để thực hiện các thủ tục tố tụng khác. Hiện anh E cũng xác định tự thỏa thuận về tài sản chung. Cho nên Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản chung anh E và chị L tự thỏa thuận nếu sau này giữa anh E và chị L có tranh chấp về tài sản chung sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết ở vụ án khác, không đề cập xem xét trong vụ án này là phù hợp.

Về nợ chung: Anh E, chị L khai không nợ ai, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Biện Hoàng E về việc xin ly hôn với chị Dương Thị Ánh L.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Biện Anh K, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Biện Hoàng E tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị Dương Thị Ánh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh E, chị L tự thỏa thuận không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, anh Biện Hoàng E phải chịu. Anh E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002171 vào ngày 17/7/2020, được đối trừ, anh E đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã T, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương